TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **211**/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 13/8/2020.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên - Cán bộ Hội Phụ nữ thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;

2. Ông Trần Công Danh - Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Đông - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 13 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1022/2020/TLST-HNGĐ ngày 24/3/2020 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 243/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sư:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Ánh T**, sinh năm 1981.

Địa chỉ thường trú: Số 21/1, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Số F15/194, ấp A, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Trọng H**, sinh năm 1976.

Địa chỉ thường trú: Số 21/1, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T, ông H có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 03/7/2020, nguyên đơn bà Nguyễn Ánh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông H kết hôn với nhau vào năm 2004, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, có tổ chức cưới hỏi. Trong thời gian đầu chung sống có hạnh phúc nhưng sau đó đến năm 2008 phát sinh nhiều mâu thuẫn; Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống, tính tình, chuyện nuôi dạy con cái dẫn đến hay gây gỗ, cãi vả với nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Vợ chồng bà đã tìm cách hòa giải nhưng không có kết quả. Từ năm 2008, bà về nhà mẹ ở địa chỉ số F15/194, ấp A, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai sống và ly thân với ông H từ đó cho đến nay. Bà xác định mâu thuẫn giữa hai người đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài nên bà làm đơn xin được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà T xác định có 02 con chung là cháu Nguyễn Thái H, sinh ngày 14/3/2005 và cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 04/02/2008. Ly hôn, bà xin nuôi cháu A và giao cháu H cho ông H nuôi. Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà T xác định tự thỏa thuận tài sản chung với ông H và vợ chồng không có nợ chung.

Do bận công việc nên bà đề nghị vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Theo bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 27/7/2020, bị đơn ông Nguyễn Trọng H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà T kết hôn với nhau năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có tổ chức đám cưới, hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu đến năm 2008, hai vợ chồng xảy ra lục đục, cãi vả, bà T giận dỗi bỏ về nhà mẹ sống. Cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, không còn hạnh phúc. Ông và bà T sống ly thân đến nay. Nay, bà T xin ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông H xác định ông bà có hai con chung là cháu Nguyễn Thái H, sinh ngày 14/3/2005 và cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 04/02/2008. Ly hôn, bà xin nuôi cháu A và giao cháu H cho ông nuôi thì ông đồng ý. Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông H xác định tự thỏa thuận tài sản chung với bà T và không có nợ chung.

Do bận công việc nên ông đề nghị vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, ngoài các chứng cứ các đương sự đã cung cấp từ khi thụ lý, nguyên đơn, bị đơn không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; Xác định quan hệ pháp luật, tư cách của đương sự và thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Từ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và lời trình bày, tranh luận của đương sự tại phiên tòa hôm nay có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông H, giao con chung cho bà T, ông H nuôi dưỡng, không xem xét việc cấp dưỡng vì hai bên không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tố tụng:

- *Về tư cách tố tụng và quan hệ tranh chấp:*

Bà Nguyễn Ánh T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Trọng H và yêu cầu được nuôi con chung. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định bà T là nguyên đơn, ông H là bị đơn. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp việc nuôi con chung".

- *Về thẩm quyền giải quyết:* Ông Nguyễn Trọng H có địa chỉ thường trú và cư trú tại phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của bà T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về thủ tục tố tụng khác: Bà Nguyễn Ánh T và ông Nguyễn Trọng H có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Bà Nguyễn Ánh T và ông Nguyễn Trọng H chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số số 31, quyển số 01/2004, ngày 12/3/2004. Đối chiếu quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định hôn nhân của bà T và ông H là hợp pháp.

Bà T và ông H đều thừa nhận sau quá trình chung sống ban đầu thì hai bên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Từ năm 2008 đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm nhau.

Xét thấy: Tại biên bản xác minh ngày 08 tháng 5 năm 2020, Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai xác định có biết mâu thuẫn của bà T và ông H vì các đương sự thường xuyên cãi vã, sống ly thân đã lâu. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà T và ông H là có thật, trầm trọng, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Bản thân ông H cũng thừa nhận trong quá trình chung sống, thời gian đầu đến năm 2008, hai vợ chồng xảy ra lục đục, cãi vả, bà T giận dỗi bỏ về nhà mẹ sống; Ông và bà T sống ly thân đến nay; Nay, bà T xin ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của bà T và ông H là phù hợp.

Về con chung: Bà T và ông H xác định có hai con chung là cháu Nguyễn Thái H, sinh ngày 14/3/2005 và cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 04/02/2008. Bà T yêu cầu được nuôi cháu A và đồng ý giao cháu H cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông H cũng thống nhất với ý kiến của bà T, ông xin nuôi cháu H và giao cháu A cho bà T nuôi, tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu H có nguyện vọng được ở, sinh sống với ông H còn cháu A có nguyện vọng ở, được sinh sống với bà T. Xét ý kiến và sự thỏa thuận của bà T và ông H và nguyện vọng của cháu H, Ánh là phù hợp với quy định của pháp luật nên ghi nhận.

Về tài sản chung: Bà T và ông H tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà T và ông H khai không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Ánh T phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, 228, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ánh T đối với ông Nguyễn Trọng H.

Cho bà Nguyễn Ánh T được ly hôn ông Nguyễn Trọng H.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thái H, sinh ngày 14/3/2005 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và giao cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 04/02/2008 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Bà T, ông H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Bà T và ông H tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà T và ông H khai không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Ánh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008858 ngày 18/3/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Ánh T, ông Nguyễn Trọng H được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Biên Hòa;
- Chi cục thi hành án dân sự TP.Biên Hòa;
- UBND P.Tân Hòa, TP. Biên Hòa;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Hòa